

BÁO CÁO

Kết quả chuyển đổi số 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024 trên địa bàn huyện Ngọc Lặc

Thực hiện Công văn số 1305/STTT-CNTT ngày 07/6/2024 của Sở Thông tin & Truyền thông về việc báo cáo kết quả chuyển đổi số 6 tháng đầu năm 2024, UBND huyện xây dựng báo cáo kết quả thực hiện chuyển đổi số 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024 trên địa bàn huyện Ngọc Lặc, cụ thể như sau:

I. Kết quả triển khai 06 tháng đầu năm 2024

1. Nhận thức số

Chuyển đổi nhận thức đóng vai trò quan trọng trong quá trình chuyển đổi số; chuyển đổi nhận thức cùng với kiến tạo thể chế phải đi trước một bước để dẫn dắt các nhiệm vụ còn lại. Trong năm qua, cùng với công cuộc chuyển đổi số Quốc gia, của tỉnh, huyện Ngọc Lặc đã thể hiện ở sự quan tâm của lãnh đạo các cấp Ủy Đảng, HĐND, UBND; đã ban hành nhiều chương trình, chính sách, kế hoạch liên quan đến Chuyển đổi số và tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số là tiêu chí quan trọng trong đó.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về chuyển đổi số cũng đã được quan tâm và được triển khai trên các phương tiện thông tin đại chúng của huyện như: Đài truyền thanh cấp huyện, xã, các trang fanpage, trang Thông tin điện tử. Đặc biệt là được triển khai thường xuyên và quyết liệt thông qua các Tổ công nghệ số cộng đồng tại các địa phương.

Trong 6 tháng đầu năm đã đăng 459 tin, bài liên quan đến chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử huyện và trang thông tin điện tử của cấp xã và 1016 tin bài tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh cấp huyện và cấp xã.

(Kèm theo Phụ lục 01);

- Xây dựng kế hoạch 101/KH-UBND về Triển khai thực hiện Mô hình “3 KHÔNG” tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Ngọc Lặc.

2. Thể chế số

Thực hiện các văn bản chỉ đạo tỉnh và các hướng dẫn của Sở Thông tin & Truyền thông và Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn huyện, UBND huyện Ngọc Lặc đã ban hành Hướng dẫn hồ sơ đánh giá mức độ hoàn thành Chuyển đổi số cấp xã năm 2024; Tăng cường đôn đốc, chỉ đạo, hướng dẫn việc tổ chức, triển khai thực hiện công tác chuyển đổi số cấp xã trên địa bàn huyện; Kế

hoạch tập huấn về Chuyển đổi số năm 2024. Hướng dẫn các đơn vị thực hiện tuyên truyền về Chuyển đổi số năm 2024.

(Kèm theo phụ lục 02)

3. Hạ tầng số

Mạng cáp quang băng thông rộng đã được triển khai rộng khắp đến 100% trung tâm các xã, thị trấn, tới hầu hết các thôn, bản trên địa bàn huyện.

Hạ tầng mạng thông tin di động được phủ sóng đến 100% trung tâm các xã, thị trấn, tỷ lệ dân số được phủ sóng thông tin di động đạt 100%. Việc triển khai diện rộng các trạm BTS công nghệ băng rộng di động 3G, 4G tới 100% dân cư đã đảm bảo mức độ sẵn sàng đáp ứng cho nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan Đảng, nhà nước và nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông, Internet chất lượng cao của các doanh nghiệp, nhân dân trên toàn huyện.

Hạ tầng kỹ thuật CNTT trên địa bàn huyện được đầu tư đồng bộ, hiện đại, đáp ứng việc ứng dụng CNTT, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường mạng của các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện; đảm bảo cung cấp dịch vụ, phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

- Tính đến hết 31/05/2024, tỷ lệ cán bộ công chức, viên chức từ cấp huyện đến cấp xã được trang bị máy tính làm việc là 100% máy tính/cán bộ.

- 100% các cơ quan, đơn vị cấp huyện và cấp xã đã có mạng LAN nội bộ và kết nối mạng Internet tốc độ cao phục vụ công tác.

- Hệ thống Hội nghị truyền hình: Hiện có 23 điểm cầu hội nghị truyền hình trực tuyến (2 điểm cầu cấp huyện; 21 điểm cầu tại UBND cấp xã) đang phát huy hiệu quả, tạo môi trường hội họp hiện đại, thuận tiện, tiết kiệm chi phí, tiết kiệm thời gian, đảm bảo triển khai các cuộc họp nhanh chóng, nhất là trong các tình huống khẩn cấp như phòng chống dịch bệnh, bão lụt, thiên tai....

- Hệ thống phòng họp không giấy tờ (Ecabinet) đã được triển khai tại 03 đơn vị cấp huyện (gồm: UBND huyện Ngọc Lặc, HĐND huyện và Huyện ủy).

4. Dữ liệu số

Các dữ liệu số trên địa bàn đã và đang thực hiện theo chủ trương của Trung ương, các bộ ban ngành và của tỉnh như: định danh điện tử, hồ sơ sức khỏe điện tử, BHYT, địa chỉ số, đất đai...

Đối với hoạt động của Cơ quan Nhà nước: 100% các TTHC đã được niêm yết công khai trên các trang thông tin điện tử UBND huyện và UBND cấp xã;

Tình hình ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước tại huyện dưới dạng số hoá dữ liệu gồm có: 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định) được thực hiện trên môi trường mạng; Tỷ lệ văn bản điện tử có ký số đạt 100%; văn bản điện tử đã thay thế hoàn toàn văn bản giấy trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện; hoàn thiện việc cập nhật CSDL quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức tại địa chỉ <https://thanhhoa.vnerv.vn/>.

5. Nhân lực số

Tại UBND huyện có 02 cán bộ chuyên trách CNTT thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước và vận hành các hệ thống mạng, các phần mềm dùng chung của tỉnh; hướng dẫn, hỗ trợ UBND các xã, thị trấn thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng CNTT cấp trên giao.

Tại UBND các xã, thị trấn giao cho công chức Văn phòng – Thống kê, Văn hóa – xã hội phụ trách việc triển khai các hoạt động Chuyển đổi số cấp xã.

6. An toàn thông tin mạng

Trong 6 tháng đầu năm 2024 việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, phát triển chính quyền điện tử, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp, công tác đảm bảo an toàn thông tin trên địa bàn huyện cũng được quan tâm thực hiện và bước đầu đã có nhiều chuyển biến tích cực, như: triển khai 100% lãnh đạo Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cấp huyện sử dụng chứng thư số chuyên dùng; 95% thiết bị sử dụng phần mềm hệ điều hành bản quyền; 100% máy tính được triển khai sử dụng phần mềm xử lý mã độc; ban hành các quy chế, quy định bảo đảm an toàn thông tin; thực hiện thường xuyên công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về an toàn thông tin mạng...

7. Chính quyền số

Với mục tiêu xây dựng Chính quyền số để dẫn dắt chuyển đổi số trên địa bàn huyện, trong 6 tháng đầu năm 2024 các cấp lãnh đạo đã chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển chính quyền số. Kết quả đạt được cụ thể như sau:

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ quan hành chính trên địa bàn huyện đặc biệt là phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc, hệ thống thông tin một cửa điện tử, thư điện tử công vụ.

Hạ tầng CNTT được quan tâm đầu tư từ huyện đến xã, từng bước đáp ứng việc ứng dụng CNTT, phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành trên môi trường mạng. 100% xã, thị trấn có hệ thống phòng họp trực tuyến; 100% lãnh đạo cấp ủy từ cấp xã đến cấp huyện, 100% lãnh đạo cấp phòng trở lên và lãnh đạo các xã, thị trấn được cấp và sử dụng chữ ký số trong chỉ đạo, điều hành; 100% các đơn vị đã thực hiện trao đổi, tạo lập, xử lý, ký số văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường điện tử; Tổng số lượt trao đổi, xử lý văn bản đi trên hệ thống: 6043/6043 văn bản đạt 100%; tỷ lệ ký số cá nhân, ký số cơ quan đạt trên 100% giúp cho hoạt động của các cơ quan, đơn vị được công khai, minh bạch, nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành trong cơ quan nhà nước.

-100% hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hoá hồ sơ theo quy định, theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Tính đến thời điểm hiện tại, Số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện có 901TTHC, thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã

có 8313 TTHC.

UBND huyện tổ chức tuyên truyền việc giải quyết thủ tục hành chính sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức một phần và toàn trình, dịch vụ Bưu chính công ích trên địa bàn huyện trên chuyên mục “Cải cách hành chính” của huyện và trên trang thông tin điện tử của các đơn vị.

Tính đến 05/6/2024, Tổng số hồ sơ trực tuyến toàn trình và một phần địa bàn huyện như sau:

+) Cấp huyện: dịch vụ công trực tuyến một phần là: 341/341 hồ sơ đạt tỷ lệ 100%; dịch vụ công trực tuyến toàn trình 540/540 hồ sơ đạt tỷ lệ 100 % vượt chỉ tiêu tỉnh giao.

+) Cấp xã: dịch vụ công trực tuyến một phần là: 5682/5708 hồ sơ đạt tỷ lệ 99,54%; dịch vụ công trực tuyến toàn trình 2134/2137 hồ sơ đạt tỷ lệ 99,85% vượt chỉ tiêu tỉnh giao.

- 21 trang thông tin điện tử của xã, thị trấn và 1 Cổng thông tin điện tử của huyện, các ứng dụng trên điện thoại thông minh thường xuyên cập nhật thông tin, từ đó giúp tăng cường công tác, chỉ đạo, điều hành và tương tác giữa chính quyền với người dân...

- Tiếp tục duy trì kênh giao tiếp với người dân thông qua hệ thống Zalo OA.

8. Kinh tế số

Tiếp tục phối hợp với VNPT Thanh Hóa Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể tham gia sàn giao dịch điện tử nông sản Thanh Hóa; Phối hợp với VNPT Thanh Hóa đưa các sản phẩm OCOP của huyện lên sàn giao dịch điện tử nông sản Thanh Hóa; Hỗ trợ cung cấp tem truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm OCOP của huyện. Đến nay, 13/13 Sản phẩm OCOP của huyện đều có tem truy xuất, trang thông tin kết nối cung cầu của tỉnh.

Có 100% tổ chức, doanh nghiệp nộp thuế điện tử.

9. Xã hội số

Tiếp tục chỉ đạo ngành giáo dục triển khai có hiệu quả các phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục, cài đặt các ứng dụng vnEdu Teacher, vnEdu Connect để hỗ trợ giáo viên, phụ huynh cập nhật thông tin, tương tác giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án 06 của Chính phủ trên địa bàn huyện, trọng tâm là công tác làm sạch dữ liệu trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, công tác cấp CCCD, kích hoạt tài khoản định danh điện tử, công tác giải quyết thủ tục hành chính trên cổng dịch vụ công trực tuyến.

- Quản lý, cấp thẻ CCCD gắn chip (từ 15/12/2023 đến 12/06/2024): Tổng số hồ sơ đã thu nhận: **1.573** hồ sơ. Trong đó:

- + Cấp mới CCCD: **507** hồ sơ CCCD
- + Cấp lại CCCD: **851** hồ sơ CCCD.
- + Cấp đổi CCCD: **215** hồ sơ CCCD.
- Tổng số hồ sơ đã thu nhận tài khoản định danh điện tử (*từ 15/12/2023 đến 12/06/2024*) là: **84.324** hồ sơ. Trong đó:
 - + Mức 1: 32.832 hồ sơ, được phê duyệt: 29.208 hồ sơ; 14.141
 - + Mức 2: 51.492 hồ sơ, được phê duyệt: 47.960 hồ sơ. 39.131
 - Tổng số hồ sơ đã được kích hoạt (*từ 15/12/2023 đến 12/06/2024*) là: **64.103** hồ sơ (*đạt 124,89% so với chỉ tiêu được giao, đạt 53,69% so với tổng số công dân đã được cấp thẻ CCCD*). Trong đó:
 - + Mức 1: 16.894 hồ sơ, đã kích hoạt thành công: 14.141 hồ sơ;
 - + Mức 2: 60.292 hồ sơ, đã kích hoạt thành công: 49.962 hồ sơ.
 - Các thôn, khu phố tại các địa điểm phức tạp về an ninh đều gắn Camera để giám sát, hỗ trợ bảo đảm an ninh trật tự, tổng số camera giám sát ANTT trên địa bàn: 700 mắt.
- Có 213 điểm phát wifi miễn phí tại các nhà văn hóa, các điểm công cộng phục vụ người dân truy cập internet.

10. Kết quả nổi bật

Trong 06 tháng đầu năm, UBND huyện Ngọc Lặc đã tổ chức các đợt cao điểm triển khai cài đặt chữ ký số cá nhân và trên địa bàn huyện, kích hoạt chữ ký số cá nhân của VNPT.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi:

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị đã tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền điện tử hướng tới xây dựng chính quyền số, với tỷ lệ văn bản điện tử ký số đạt trên 100%; tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên 100%; hợp trực tuyến được duy trì và nâng cấp.
- Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện từng bước ứng dụng công nghệ số đổi mới phương thức sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí, mở rộng thị trường; nhiều phương thức kinh doanh, dịch vụ, ngành nghề mới xuất hiện góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập, đời sống của nhân dân.
- Hạ tầng viễn thông được phủ sóng rộng trên địa bàn huyện.

2. Khó khăn:

- Trên thực tế người dân vẫn chưa thực sự quan tâm đến chuyển đổi số đặc biệt là trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến; trong đó tỷ lệ người dân sử dụng

điện thoại thông minh có Tài khoản ngân hàng để liên kết với ví điện tử còn thấp gây khó khăn cho quá trình tham gia thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán các dịch vụ cơ bản (điện, nước, ...), các giao dịch trên sàn thương mại điện tử. Các doanh nghiệp còn chưa đồng thuận với việc sử dụng hợp đồng điện tử.

- Kỹ năng ứng dụng công nghệ số của cán bộ công chức cấp xã còn chưa đồng đều, chưa có cán bộ chuyên trách về CNTT tại xã (chủ yếu làm việc kiêm nhiệm).

- Nhận thức của đại bộ phận người dân về chuyển đổi số còn hạn chế, chưa nhận thức đầy đủ về những lợi ích của chuyển đổi số, của việc sử dụng các công cụ CNTT phục vụ cho công việc, thay đổi cách thức làm việc, cách thức mua sắm, bán hàng.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động số 90-KH/HU ngày 03/3/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy Ngọc Lặc về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch 240/KH-UBND ngày 12/12/2023 của UBND huyện về Chuyển đổi số trên địa bàn huyện Ngọc Lặc năm 2024.

Cụ thể hóa các chỉ tiêu Chuyển đổi số cấp xã năm 2024 theo Quyết định số 1829/QĐ-UBND về việc ban hành các tiêu chí chuyển đổi số cấp xã đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

*** Về chính quyền số:**

- Chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc việc ký số và ban hành văn bản trên phần mềm Tdoffice và hướng dẫn người dân đăng ký tài khoản thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- Chỉ đạo các đơn vị sử dụng tốt các phần mềm, ứng dụng tại các lĩnh vực chuyên môn cấp xã: Hệ thống khai sinh, tư pháp hộ tịch, chứng thực, y tế...

- Chỉ đạo các đơn vị thực hiện tốt ứng dụng Thanhhoa-S, ứng dụng Zalo OA.

- Tăng cường hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng, đây là cầu nối giữa chính quyền và nhân dân trong triển khai các hoạt động chuyển đổi số.

- Tổ chức tuyên truyền, đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ công chức, người lao động của cơ quan.

*** Về kinh tế số:**

- Chỉ đạo các đơn vị lựa chọn các sản phẩm đặc trưng, thế mạnh, sản phẩm OCOP để đưa lên sàn thương mại điện tử.

- Tiếp tục hỗ trợ các hộ kinh doanh, các hộ sản xuất nông nghiệp đưa các sản phẩm lên các sàn thương mại điện tử.

- Tuyên truyền cho người dân tăng cường sử dụng hình thức thanh toán

không dùng tiền mặt thanh toán các dịch vụ thiết yếu như tiền điện, tiền nước...

- Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn tăng cường tuyên truyền, tập huấn cho nhân dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số.

- Tiếp tục hướng dẫn, vận động doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử;

- * Về xã hội số

- Tuyên truyền vận động người dân sử dụng các ứng dụng chuyển đổi số thuộc lĩnh vực giáo dục, y tế.

- Tăng cường vận động, hướng dẫn nhân dân đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 2.

- Tiếp tục triển khai khảo sát nhân dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số trên địa bàn huyện.

- Đảm bảo hạ tầng viễn thông, CNTT cho cán bộ, công chức viên chức để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và thực hiện triển khai các nhiệm vụ Chuyển đổi số.

UBND huyện Ngọc Lặc báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ Chuyển đổi số 6 tháng đầu năm 2024 triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024 trên địa bàn huyện để Sở Thông tin & Truyền thông tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Thông tin & Truyền thông (b/c);
- Sở Y tế (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, VHTT;

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Đạt

Phụ lục 1: Tổng hợp tuyên truyền về Chuyển đổi số 6 tháng đầu năm 2024

STT	Đơn vị	Ban hành kế hoạch tuyên truyền	Bài đăng trên trang thông tin điện tử	Bài phát trên hệ thống truyền thanh	Số lần phát trên hệ thống truyền thanh	Ghi chú
1	Xã Mỹ Tân	Đã ban hành	24	12	48	
2	Xã Cao Ngọc	Đã ban hành	17	17	34	
3	Xã Vân Am	Đã ban hành	9	11	22	
4	Xã Phùng Giáo	Đã ban hành	15	30	90	
5	Xã Phùng Minh	Đã ban hành	14	0	0	
6	Xã Phúc Thịnh	Đã ban hành	35	12	30	
7	Xã Nguyệt Ân	Đã ban hành	10	12	24	
8	Xã Kiên Thọ	Đã ban hành	18	22	44	
9	Xã Minh Tiến	Đã ban hành	10	38	76	
10	Xã Lam Sơn	Đã ban hành	21	21	48	
11	Xã Minh Sơn	Đã ban hành	17	27	83	
12	Xã, Ngọc Trung	Đã ban hành	12	24	66	
13	Xã Ngọc Sơn	Đã ban hành	10	14	28	
14	Xã Lộc Thịnh	Đã ban hành	13	10	20	
15	Xã Cao Thịnh	Đã ban hành	50	28	30	
16	Xã Ngọc Liên	Đã ban hành	56	32	64	
17	Xã Quang Trung	Đã ban hành	13	27	55	
18	Xã Thạch Lập	Đã ban hành	36	28	18	
19	Xã Đồng Thịnh	Đã ban hành	25	25	96	
20	Xã Thuý Sơn	Đã ban hành	19	25	84	
21	TT Ngọc Lặc	Đã ban hành	11	14	28	
22	Cổng Thông tin điện tử huyện	Đã ban hành	24	24	28	
	Tổng cộng:		459	453	1016	

Phụ lục 02

STT	Các văn bản đã ban hành	Thẩm quyền quyết định, phê duyệt
1	QĐ số 113/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 về việc Kiện toàn Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện Ngọc Lặc	UBND huyện
2	Kế hoạch 240/KH-UBND ngày 12/12/2023 của UBND huyện về Chuyển đổi số trên địa bàn huyện Ngọc Lặc năm 2024.	UBND huyện
3	Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 11/01/2024 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 311/QĐ-TTg ngày 05/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình “Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trên không gian mạng giai đoạn 2022 - 2030” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	UBND huyện
4	Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 04/03/2024 về Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tham gia các hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn huyện Ngọc Lặc, giai đoạn 2024 – 2027;	UBND huyện
5	Công văn số 134/UBND-VHTT ngày 31/01/2023 thực hiện chỉ tiêu về tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến năm 2023	UBND huyện
6	công văn số 461/UBND-VHTT ngày 20/02/2024 của UBND huyện Ngọc Lặc về việc triển khai đăng ký Mô hình "3 không" trên địa bàn huyện Ngọc Lặc năm 2024	UBND huyện
7	Công văn số 601/UBND-VHTT ngày 06/03/2024 về việc tuyên truyền, phổ biến thông tin liên quan đến lộ trình dừng công nghệ 2G, phổ cập điện thoại thông minh thúc đẩy kinh tế số, xã hội số trên địa bàn huyện.	UBND huyện
8	công văn số 802/UBND-VHTT ngày 25/03/2024 về việc đăng ký Hội nghị tập huấn lĩnh vực Bưu chính - Viễn thông năm 2024	UBND huyện
9	Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 20/03/202 Triển khai các mô hình của Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn huyện Ngọc Lặc	UBND huyện
10	Công văn số 787/UBND-VHTT ngày 22/03/2024	UBND huyện

	V/v Báo cáo nhu cầu dịch chuyển phần mềm chuyên ngành cài đặt tập trung tại Trung tâm dữ liệu và điều hành, an toàn, an ninh mạng tỉnh	
11	Công văn 756/UBND-VHTT ngày 21/03/2024 V/v báo cáo kết quả xây dựng và thực hiện chuyên mục tuyên truyền về chuyển đổi số	UBND huyện
12	Kế hoạch 101/KH-UBND ngày 02/4/2024 về việc Triển khai thực hiện Mô hình “3 KHÔNG” trên địa bàn huyện Ngọc Lặc	UBND huyện
13	Công văn số 1044/UBND-VHTT ngày 12/4/2024 về việc đề nghị cấp nhận tín nhiệm mạng cho trang thông tin điện tử.	UBND huyện
14	Công văn số 1046/UBND-VHTT ngày 12/4/2024 về việc nâng cao hiệu quả cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	UBND huyện
15	Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 12/4/2024 Về việc ban hành Phương án bảo đảm, ứng phó, khắc phục sự cố an toàn độ an toàn hệ thống thông tin mạng nội bộ tại UBND huyện Ngọc Lặc	UBND huyện
16	Công văn số 1064/UBND-VHTT ngày 15/4/2024 Về việc tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn phần mềm dùng chung cho cán bộ công chức cấp xã, thị trấn trên địa bàn huyện.	UBND huyện
17	Công văn số 1088/UBND-VHTT ngày 16/4/2024 báo cáo kết quả rà soát, đánh giá tình hình bảo đảm an toàn thông tin mạng đối với các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý	UBND huyện
18	Công văn số 1090/UBND-VHTT ngày 16/4/2024 về việc đề xuất triển khai phần mềm hợp đồng điện tử cho khối doanh nghiệp đảm bảo tiêu chí chuyển đổi số trên địa bàn huyện Ngọc Lặc năm 2024.	UBND huyện
19	Công văn số 1186/UBND-VHTT ngày 26/04/2024 về việc cung cấp thông tin khảo sát hạ tầng, phần mềm ATTT và nguồn nhân lực công nghệ thông tin cấp xã.	UBND huyện
20	Công Văn số 1251/UBND-VHTT ngày 07/5/2024 về việc cung cấp số liệu phục vụ đánh giá chỉ số chuyển đổi số (DTI) năm 2023 của tỉnh Thanh Hóa.	UBND huyện
21	Công văn số 1279/UBND-VHTT ngày 09/5/2024 về việc triển khai Sổ tay Hướng dẫn tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ (Phiên bản 1.0).	UBND huyện
22	Công văn số 1233/UBND-VHTT ngày 6/5/2024	UBND huyện

	về việc tiếp tục thực hiện Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội, đẩy mạnh tuyên truyền, lan tỏa thông tin tích cực trên địa bàn huyện.	
23	Quyết định số 1748/QĐ-UBND ngày 14/5/2024 Về việc phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện Ngọc Lặc	UBND huyện
24	Quyết định số 1756/QĐ-UBND ngày 14/5/2024 về việc Thành lập Tổ thẩm định kết quả thực hiện các tiêu chí chuyển đổi số các xã, thị trấn năm 2023.	UBND huyện
25	Công văn BCĐ CDS 1444/CV-BCĐ ngày 22/05/2024 về việc triển khai kế hoạch Mô hình “3 KHÔNG” trên địa bàn huyện Ngọc Lặc.	UBND huyện
26	Công văn số 1501/UBND-VHTT ngày 28/5/2024 về việc rà soát, đảm bảo các trang thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật phục vụ các phiên họp trên hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến	UBND huyện
27	Công văn số 1468/UBND-VHTT ngày 12/6/2024 về việc đẩy mạnh triển khai cài đặt chữ ký số cá nhân trên địa bàn huyện và hoàn thành chỉ tiêu 3.10 đối với các xã, thị trấn đăng ký hoàn thành Chuyển đổi số cấp xã năm 2023 và năm 2024.	UBND huyện
28	Công Văn số 1651/UBND-VHTT ngày 12/6/2024 về việc triển khai thực hiện sử dụng Hợp đồng điện tử trong các doanh nghiệp trên địa bàn huyện.	UBND huyện

Phụ lục 3: Các chỉ tiêu được giao thực hiện về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2024

STT	Các chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Kết quả đến ngày 30/5/2024	Ghi chú
I	Phát triển hạ tầng số			
1	Hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh được triển khai trên nền tảng điện toán đám mây.	25%		Đề nghị cung cấp số lượng cụ thể các hệ thống thông tin được triển khai trên nền tảng điện toán đám mây. Công thức tính:
2	Tiếp tục duy trì hạ tầng kỹ thuật phục vụ hệ thống Hội nghị trực tuyến đồng bộ ở cả 03 cấp chính quyền và kết nối với hệ thống Hội nghị trực tuyến quốc gia.		Đảm bảo	
3	Tỷ lệ hộ gia đình kết nối Internet băng rộng	85%.	85%	
4	Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu: điện; tài nguyên môi trường; an ninh-trật tự; kiểm soát mực nước hồ đập...		Chưa triển khai	Đề xuất triển khai đồng bộ cấp tỉnh
II	Ứng dụng CNTT trong các CQNN			
1	Tỷ lệ các văn bản, hồ sơ công việc được tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường mạng (trừ văn	100%	100%	

STT	Các chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Kết quả đến ngày 30/5/2024	Ghi chú
	bản có hồ sơ mật theo quy định).			
2	Hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.	30%	91%	Đối với nội dung này đề nghị Sở Thông tin & Truyền thông hướng dẫn cụ thể hơn. Cụ thể đến các hoạt động để UBND cấp huyện thống kê cho chính xác.
3	Số lượng xã, phường, thị trấn được công nhận chuyển đổi số cấp xã.		5	
	Số lượng huyện được công nhận chuyển đổi số cấp huyện	Ít nhất 01 huyện		
4	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cấp tỉnh, UBND cấp huyện tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.	100%	100%	
5	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tham gia các khóa học về chuyển đổi số trên nền tảng đào tạo trực tuyến đại trà.	100%	100%	- Đề nghị cung cấp cụ thể số lượng CBCC, VC đã tham gia các khóa học chuyển đổi số (theo cả 02 hình thức: trực tiếp và trực tuyến). Công thức tính:
III	Ứng dụng phục vụ người dân và doanh nghiệp			

STT	Các chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Kết quả đến ngày 30/5/2024	Ghi chú
1	Tỷ lệ các thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình hoặc dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng dịch vụ công của tỉnh và được cung cấp trên các phương tiện truy cập khác nhau.	100%	- 1 phần 100%; - Toàn trình 100%	
2	Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực điện tử thông suốt, hợp nhất.	100%	Chưa có công cụ thống kê	Công thức tính: $\text{Tỷ lệ} = \frac{\text{Số người dân sử dụng DVC trực tuyến được xác thực định danh}}{\text{Tổng số người dân trên địa bàn huyện}} \times 100\%$
				Công thức tính: $\text{Tỷ lệ} = \frac{\text{Số doanh nghiệp sử dụng DVC trực tuyến được xác thực định danh}}{\text{Tổng số doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn huyện}} \times 100\%$
3	Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.	95%	100%	
4	Tỷ lệ thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước được cắt giảm so với hiện nay.	20%	35%	
IV	Phát triển Kinh tế số			

STT	Các chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Kết quả đến ngày 30/5/2024	Ghi chú
1	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ.	10%		
2	Tỷ trọng kinh tế số	20%	Chưa có công thức tính	
3	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử.	50%		Công thức tính: $\text{Tỷ lệ} = \frac{\text{Số doanh nghiệp có sử dụng hợp đồng điện tử}}{\text{Tổng số doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn huyện}} \times 100\%$
4	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số.	50%	50%	Công thức tính: $\text{Tỷ lệ} = \frac{\text{Số doanh nghiệp có sử dụng nền tảng số}}{\text{Tổng số doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn huyện}} \times 100\%$
5	Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số	2%	Chưa thực hiện	Công thức tính: $\text{Tỷ lệ} = \frac{\text{Số lượng người lao động trong lĩnh vực kinh tế số}}{\text{Tổng số dân số ở độ tuổi lao động trên địa bàn huyện}} \times 100\%$
V	Thúc đẩy xây dựng Xã hội số			
1	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh	70%	81%	Công thức tính: $\text{Tỷ lệ} = \frac{\text{Số lượng người dân trưởng thành có điện thoại thông minh}}{\text{Tổng số dân số trưởng thành trên địa bàn huyện}} \times 100\%$
2	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số.	50%	20%	Công thức tính: $\text{Tỷ lệ} = \frac{\text{Số lượng người dân trưởng thành có chữ ký số}}{\text{Tổng số dân số trên địa bàn huyện}} \times 100\%$
3	Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử.	70%	71%	Công thức tính: $\text{Tỷ lệ} = \frac{\text{Số lượng người dân có sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử}}{\text{Tổng số dân số trên địa bàn huyện}} \times 100\%$
4	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản	60%	67%	Công thức tính:

STT	Các chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Kết quả đến ngày 30/5/2024	Ghi chú
				$\text{Tỷ lệ} = \frac{\text{Số lượng người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản}}{\text{Tổng số dân số trong độ tuổi lao động trên địa bàn huyện}} \times 100\%$
5	Tỷ lệ trường tiểu học, THCS, THPT và các cơ sở bảo vệ, nuôi dưỡng trẻ em được tuyên truyền, giáo dục kiến thức, kỹ năng cần thiết cho trẻ em để tham gia môi trường mạng an toàn.	90%	100%	Công thức tính: $\text{Tỷ lệ} = \frac{\text{Số lượng trường tiểu học, THCS, THPT có tổ chức tuyên truyền về đảm bảo ATTT}}{\text{Tổng số trường tiểu học, THCS, THPT trên địa bàn huyện}} \times 100\%$
6	Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản	60%	60%	Công thức tính: $\text{Tỷ lệ} = \frac{\text{Số lượng người dân được bảo vệ trên môi trường số ở mức cơ bản}}{\text{Tổng số dân số trên địa bàn huyện}} \times 100\%$
7	Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa	20%	20%	Công thức tính: $\text{Tỷ lệ} = \frac{\text{Số lượng người dân trưởng thành sử dụng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến}}{\text{Tổng số dân số trưởng thành trên địa bàn huyện}} \times 100\%$
8	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	90%	92%	Công thức tính: $\text{Tỷ lệ} = \frac{\text{Số lượng người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử}}{\text{Tổng số dân số trên địa bàn huyện}} \times 100\%$
9	Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở	70%		Công thức tính: $\text{Tỷ lệ} = \frac{\text{Số lượng trường đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp có ứng dụng mô hình quản trị số; xây dựng kho học liệu số mở}}{\text{Tổng số đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn huyện}} \times 100\%$

STT	Các chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Kết quả đến ngày 30/5/2024	Ghi chú						
10	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở	60%	100%	Công thức tính: <table><tr><td>Tỷ lệ =</td><td>$\frac{\text{Số lượng trường tiểu học, THCS, THPT có ứng dụng mô hình quản trị số; xây dựng kho học liệu số mở}}{\text{Tổng số trường tiểu học, THCS, THPT trên địa bàn huyện}}$</td><td>x 100%</td></tr></table>	Tỷ lệ =	$\frac{\text{Số lượng trường tiểu học, THCS, THPT có ứng dụng mô hình quản trị số; xây dựng kho học liệu số mở}}{\text{Tổng số trường tiểu học, THCS, THPT trên địa bàn huyện}}$	x 100%			
Tỷ lệ =	$\frac{\text{Số lượng trường tiểu học, THCS, THPT có ứng dụng mô hình quản trị số; xây dựng kho học liệu số mở}}{\text{Tổng số trường tiểu học, THCS, THPT trên địa bàn huyện}}$	x 100%								
VI	Bảo đảm an toàn thông tin									
1	Tỷ lệ các cơ quan, đơn vị được phê duyệt hồ sơ cấp độ an toàn hệ thống thông tin phải triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.	100%	100%	Công thức 1: Đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh <table><tr><td>Tỷ lệ =</td><td>$\frac{\text{Số lượng cơ quan, đơn vị trực thuộc đã triển khai PA ATTT theo hồ sơ cấp độ}}{\text{Tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc đã được phê duyệt hồ sơ cấp độ ATTT}}$</td><td>x 100%</td></tr></table> Công thức 2: Đối với cấp huyện <table><tr><td>Tỷ lệ =</td><td>$\frac{\text{Số lượng cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện đã triển khai PA ATTT theo hồ sơ cấp độ}}{\text{Tổng số cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện đã được phê duyệt hồ sơ cấp độ ATTT}}$</td><td>x 100%</td></tr></table>	Tỷ lệ =	$\frac{\text{Số lượng cơ quan, đơn vị trực thuộc đã triển khai PA ATTT theo hồ sơ cấp độ}}{\text{Tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc đã được phê duyệt hồ sơ cấp độ ATTT}}$	x 100%	Tỷ lệ =	$\frac{\text{Số lượng cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện đã triển khai PA ATTT theo hồ sơ cấp độ}}{\text{Tổng số cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện đã được phê duyệt hồ sơ cấp độ ATTT}}$	x 100%
Tỷ lệ =	$\frac{\text{Số lượng cơ quan, đơn vị trực thuộc đã triển khai PA ATTT theo hồ sơ cấp độ}}{\text{Tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc đã được phê duyệt hồ sơ cấp độ ATTT}}$	x 100%								
Tỷ lệ =	$\frac{\text{Số lượng cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện đã triển khai PA ATTT theo hồ sơ cấp độ}}{\text{Tổng số cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện đã được phê duyệt hồ sơ cấp độ ATTT}}$	x 100%								
2	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước gán nhãn tín nhiệm mạng trên cổng/trang thông tin điện tử.	100%	100%	Công thức 1: Đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh <table><tr><td>Tỷ lệ =</td><td>$\frac{\text{Số lượng cơ quan, đơn vị trực thuộc có trang TTĐT đã được gán nhãn tín nhiệm}}{\text{Tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc có trang TTĐT}}$</td><td>x 100%</td></tr></table> Công thức 2: Đối với cấp huyện <table><tr><td>Tỷ lệ =</td><td>$\frac{\text{Số lượng cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện có trang TTĐT đã được gán nhãn tín nhiệm}}{\text{Tổng số cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện có trang TTĐT}}$</td><td>x 100%</td></tr></table>	Tỷ lệ =	$\frac{\text{Số lượng cơ quan, đơn vị trực thuộc có trang TTĐT đã được gán nhãn tín nhiệm}}{\text{Tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc có trang TTĐT}}$	x 100%	Tỷ lệ =	$\frac{\text{Số lượng cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện có trang TTĐT đã được gán nhãn tín nhiệm}}{\text{Tổng số cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện có trang TTĐT}}$	x 100%
Tỷ lệ =	$\frac{\text{Số lượng cơ quan, đơn vị trực thuộc có trang TTĐT đã được gán nhãn tín nhiệm}}{\text{Tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc có trang TTĐT}}$	x 100%								
Tỷ lệ =	$\frac{\text{Số lượng cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện có trang TTĐT đã được gán nhãn tín nhiệm}}{\text{Tổng số cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện có trang TTĐT}}$	x 100%								
3	Thực hiện kiểm tra đánh giá định kỳ an toàn thông tin cho các hệ	Số liệu cụ thể	Chưa đánh giá	Công thức tính:						

STT	Các chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Kết quả đến ngày 30/5/2024	Ghi chú		
	thống thông tin theo quy định.			Tỷ lệ =	$\frac{\text{Số HTTT được kiểm tra, đánh giá về an toàn thông tin}}{\text{Tổng số HTTT của các cơ quan, đơn vị}} \times 100\%$	
4	Tổ chức diễn tập thực chiến đối với hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên.	tối thiểu 01 lần/năm				

